TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 156/2017/QĐST-HNGĐ	*Chơn Thành, ngày 13 tháng 9 năm2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 215/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/7/2017, giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Đỗ Phạm Minh T, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Số 252/4/56 Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn: Ông Lê Quốc C, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú : Tổ 3, ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Phạm Minh T, sinh năm 198, có địa chỉ cư trú: Số 252/4/56, Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường B B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minhvới ông Lê Quốc C, sinh năm 1980, có địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Giao con chung tên Lê Phạm Minh H, sinh ngày 16/7/2006 cho bà T được trực tiếp nuôi con.

Giao hai con chung tên Lê Đỗ Quốc B, sinh ngày 04/9/2012 cho ông C được trực tiếp nuôi con.

2.2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Phạm Minh T phải chịu số tiền 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008807, quyển số 000177, ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Còn lại hoàn trả cho bà T số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Trương Quốc Khánh